TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨH - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HSST
Ngày 24/01/2018

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hạ Tuấn ; Ông Đặng Viết Côi

- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà:

Bà Tưởng Thị Lan - Cán bộ Toà án nhân dân huyện □H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ỨH tham gia phiên toà:

Ông Đỗ Khắc Toán - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện □H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2018/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo;

Nguyễn Văn T, sinh năm 1986. Nguyên quán và nơi ĐKHKTT: thôn LX, xã LT, huyện MĐ, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Nguyễn Văn M - sinh năm 1965, Con bà: Trương Thị V - sinh năm 1968. Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là thứ nhất. Có vợ: Hoàng Thị T - sinh năm 1988 (đã ly hôn). Có 01 con sinh năm 2007. Theo danh chỉ bản số 222, lập ngày 07/11/2017 tại Công an huyện □H và bản trích lục tiền án, tiền sự số 1326005/PC53 của Phòng hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát Công an Thành phố Hà Nội thì bị cáo Nguyễn Văn T không có tiền án, tiền sự: Về nhân thân:

+ Tại bản án số 224/HSST ngày 30/07/2003 của TAND quận HK, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

+ Tại bản án số 668/HSPT ngày 29/04/2004 của Tòa phúc thẩm TAND Tối cao Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội "*Cướp tài sản*" và 06 tháng tù tội "*Cưỡng đoạt tài sản*"; tổng hợp hình phạt 06 tháng tù của bản án số 224/HSST ngày 30/07/2003 của TAND quận HK, buộc T phải chấp hành hình phạt chung là 36 tháng tù, chấp hành xong hình phạt ngày 28/04/2005.

+ Tại bản án số 204/2010/HSST ngày 28/10/2010 của TAND quận CG, Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", chấp hành xong hình phạt ngày 22/07/2013.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam số II - Công an Thành phố Hà Nội từ ngày 07/11/2017 đến nay *(Có mặt tại phiên Toà)*.

**** Người bị hại:***

Chị Đỗ Thị H - sinh năm 1979; Trú tại: thôn NL, xã SC, huyện ỨH, Thành

phố Hà Nội *(Vắng mặt tại phiên Toà)*.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1/ Bà Trương Thị V, sinh năm 1968; Trú tại: thôn LX, xã LT, huyện MĐ, Thành phố Hà Nội *(Có mặt tại phiên Toà)*.

2/ Anh Quách Văn Đ - sinh năm 1981; Trú tại: BS, TS, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa *(Vắng mặt tại phiên Toà)*.

3/ Anh Đặng Xuân H, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn Đ, xã HS, huyện MĐ, Thành phố Hà Nội *(Vắng mặt tại phiên Toà)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Cáo trạng thì bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện tr- ởng Viện kiểm sát nhân dân huyện □H truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Khoảng 11 giờ ngày 07/11/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe máy nhãn hiệu PRESENT, BKS: 36M6-5812 từ nhà mình đi đến Trung tâm y tế huyện ỨH uống thuốc Methanol. Sau khi uống thuốc xong, T ngồi chơi uống nước ở cổng bệnh viện đa khoa VĐ. Đến khoảng 13giờ 00phút cùng ngày, T đi xe vào Bệnh viện gửi xe ở bãi gửi xe của bệnh viện và đi bộ vào tòa nhà 7 tầng để xem có ai có tài sản sơ hở thì lấy trộm. Khi đi đến phòng 506 *(thuộc khoa nội- Bệnh viện đa khoa VĐ)*, T phát hiện tại đầu giường bệnh của chị Đỗ Thị H đang nằm để một chiếc điện thoại Samsung galaxy J5 Prime. Thấy chị H nằm quay mặt vào tường, T quan sát xung quanh không thấy ai nên đã đi vào lấy chiếc điện thoại của chị H. Khi T vừa cầm được chiếc điện thoại thì chị H quay ra phát hiện nên đã hô: "*Trộm, trộm*". Thấy vậy, T cho điện thoại vào túi áo khoác của mình và bỏ chạy ra cầu thang bộ. Chị H đuổi theo tiếp tục hô hoán. Lúc này, anh Hoàng Văn H *(là người nhà bệnh nhân)* và anh Đỗ Trung Đ *(là cán bộ bệnh viện VĐ)* đang ở phòng trực nghe thấy tiếng hô hoán nên đã cùng chị Hđuổi theo. T chạy ra cổng bệnh viện, khi chạy đến đầu xóm bệnh viện thì bị anh H, anh Đ và anh Đặng Viết H *(là bảo vệ của bệnh viện)* bắt giữ, sau đó thông báo cho Công an TT VĐ. Công an Thị trấn VĐ đã đưa T về trụ sở lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và thu giữ chiếc điện thoại mà T vừa lấy trộm được của chị H, đồng thời thu giữ chiếc xe máy BKS: 36M6-5812 ở bãi gửi xe của Bệnh viện đa khoa VĐ. Cùng ngày, Công an thị trấn VĐ đã bàn giao toàn bộ hồ sơ, đối tượng, vật chứng cho cơ quan CSĐT Công an huyện ỨH để tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền (BL: 22-23; 29-30; 32-33; 42-43; 80-82).

*** Vật chứng thu giữ:** *01 xe máy nhãn hiệu Present, BKS 36M6-5812, số máy: 1P52FMH 002947, số khung: 1UM7XC02947 đã qua sử dụng. 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J5 Prime.*

Ngày 07/11/2017 Cơ quan CSĐT đã trưng cầu định giá tài sản số 79 đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy J5 Prime và chiếc sim điện thoại. Ngày 09/11/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ỨH đã kết luận chiếc điện thoại trị giá: 2.800.000đ *(hai triệu tám trăm nghìn đồng)* và chiếc sim điện thoại trị giá: 50.000đ *(năm mươi nghìn đồng)*, tổng trị giá là 2.850.000đ *(hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Ngày 10/11/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện ỨH đã ra quyết định xử lý vật chứng số 94 đối với chiếc điện thoại bằng hình thức trả lại cho chị Đỗ Thị H.

Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 05/01/2018 của Viện tr- ởng viện kiểm sát nhân dân huyện □H đã truy tố Nguyễn Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 138 - BLHS năm 1999 (Điều 173 BLHS năm 2015).

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố cả về tội danh cũng nh- Điều luật, khoản áp dụng nh- trên. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Chị Đỗ Thị H đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì, nên không đặt ra giải quyết. Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Present, BKS: 36M6-5812, số máy: 1P52FMH002947, số khung: 1UM7XC02947 đã thu giữ, qua điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của anh Đặng Xuân H *(anh rể bị cáo)* ở xã HS, huyện MĐ, thành phố Hà Nội trình bày là người mua, xe có giấy tờ đăng ký xe, sau đó cho bà Trương Thị V *(là mẹ đẻ bị cáo)* mượn, nên trả lại chiếc xe trên cho bà Trương Thị V là phù hợp. Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Phần tranh luận: Bị cáo Nguyễn Văn T không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ những chứng cứ, tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những ng- ời tham gia tố tụng khác;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn T hoàn toàn nhận tội nh- nội dung cáo trạng. Hành vi phạm tội của bị cáo đ- ợc chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản t- ờng trình và lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của ng- ời bị hại, những ng- ời làm chứng, hoàn toàn phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, khoảng 13giờ 00phút ngày 07/11/2017, Nguyễn Văn T đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J5 Prime và 01 sim điện thoại của chị Đỗ Thị H trị giá chiếc điện thoại trị giá: 2.800.000đ và chiếc sim điện thoại trị giá: 50.000đ, tổng trị giá là 2.850.000đ (*Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).*

Với hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* vi phạm khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Viện tr- ởng Viện kiểm sát nhân dân huyện □H truy tố bị cáo Nguyễn Văn T theo tội danh, điều khoản nh- trong Cáo trạng là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của ng- ời khác đ- ợc pháp luật bảo vệ, ảnh h- ởng đến trật tự trị an. Xét, năm 2003 bị cáo Nguyễn Văn T đã bị xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội *"Trộm cắp tài sản";* năm 2004 tiếp tục bị xử phạt 24 tháng tù về tội "*Cướp tài sản*" và 06 tháng tù tội "*Cưỡng đoạt tài sản*"; tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 36 tháng tù,

sau khi ra trại vào năm 2010 lại tiếp tục bị xử phạt 03 năm tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", chấp hành xong hình phạt ngày 22/07/2013, tuy đã được xóa án, nhưng lần phạm tội này là lần thứ 4, thể hiện sự coi th- ờng pháp luật, không ăn năn hối cải, vì vậy cần phải có mức hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, t- ơng xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo việc răn đe phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đ- ợc quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Xét, hoàn cảnh gia đình bị cáo (vợ đã ly hôn) kinh tế khó khan, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

**** Về trách nhiệm dân sự:*** Chị Đỗ Thị H đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì, nên không đặt ra giải quyết.

* ***Về xử lý vật chứng:*** Đối với 01 xe môtô nhãn hiệu Present, BKS: 36M6-5812, số máy: 1P52FMH002947, số khung: 1UM7XC02947 đã thu giữ, qua điều tra xác định chủ sở hữu là anh Quách Văn Đ - sinh năm 1981 ở BS, TS, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Năm 2011, anh Đ đã bán và không nhớ đã bán cho ai. Quá trình điều tra anh Đặng Xuân H *(anh rể bị cáo)* ở xã HS, huyện MĐ, thành phố Hà Nội trình bày là người mua chiếc xe trên và có giấy tờ đăng ký xe, sau đó cho bà Trương Thị V *(là mẹ đẻ bị cáo)* mượn, nên trả lại chiếc xe môtô nhãn hiệu Present cho anh Đặng Xuân H là phù hợp.

**** Về án phí và quyền kháng cáo:***

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đ- ơng sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội ***"Trộm cắp tài sản".***

□p dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Điều 173 BLHS năm 2015)*;* điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 - Bộ luật hình sự năm 1999*;* Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T 12** *(mười hai)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 7/11/2017.

2- Về xử lý vật chứng: □p dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS;

Trả lại cho Đặng Xuân H, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn Đ, xã HS, huyện MĐ, thành phố Hà Nội 01 xe môtô nhãn hiệu Present, BKS: 36M6-5812, số máy: 1P52FMH002947, số khung: 1UM7XC02947 *(Tình trạng xe môtô nh- biên bản giao nhận đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện ỨH ngày 24/01/2018).*

3- ***Về án phí và quyền kháng cáo:*** □p dụng Điều 99, 231 và Điều 234 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban th- ờng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ án phí HSST. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ng- ời bị hại có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi thường trú. Ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày - kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi thường trú./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện □H;
- Cơ quan T.H.A Dân sự huyện □H;
- UBND xã LT, huyện MĐ;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ; V/p./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thiện